

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHE MO**

Số: 68/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khe Mo, ngày 02 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm
2025 của UBND xã Khe Mo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHE MO

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015

Căn cứ luật ngân sách NN ngày 25/6/2015.

*Căn cứ nghị định 163/2016 ND-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy
định chi tiết một số điều chi tiết luật ngân sách.*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 4366/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND
huyện Đồng Hỷ Về dự toán thu - chi ngân sách huyện Đồng Hỷ năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND xã
Khe Mo Về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã Khe Mo năm 2025;*

Theo đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý
1 năm 2025 của UBND xã Khe Mo.

(Theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND xã, bộ phận tài chính, trưởng các
ngành, đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận

- Phòng TC-KH Đồng Hỷ
- TT HĐND xã
- Lưu VP, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Duy Hưng

UBND Xã Khe Mo
Mã QHNS: 1045328

Biểu số 114/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Quý 1 Năm 2025

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	9.445.500.000	8.970.500.000	2.843.834.765	2.779.023.676	30,11	30,98
I. Các khoản thu 100%	30.000.000	30.000.000	2.807.162	2.803.638	9,36	9,35
- Phí, lệ phí	20.000.000	20.000.000	2.319.000	2.319.000	11,6	11,6
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	10.000.000	10.000.000	488.162	484.638	4,88	4,85
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	705.000.000	230.000.000	118.099.603	53.292.038	16,75	23,17
1. Các khoản thu phân chia	135.000.000	90.000.000	28.442.279	22.776.056	21,07	25,31
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000.000	30.000.000	2.109.832	2.109.832	7,03	7,03
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	100	100
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	90.000.000	45.000.000	11.332.447	5.666.224	12,59	12,59
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	570.000.000	140.000.000	89.657.324	30.515.982	15,73	21,8
- Thuế giá trị gia tăng	140.000.000	140.000.000	31.787.480	30.515.982	22,71	21,8
- Thuế TNDN						
- Thuế thu nhập cá nhân	430.000.000		57.869.844		13,46	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn						
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.710.500.000	8.710.500.000	2.722.928.000	2.722.928.000	31,26	31,26
- Bổ sung cân đối ngân sách	8.710.500.000	8.710.500.000	2.178.500.000	2.178.500.000	25,01	25,01
- Bổ sung có mục tiêu			544.428.000	544.428.000		

UBND Xã Khe Mo
Mã QHNS: 1045328

Biểu số 115/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

Độc thực hiện chi ngân sách xã
Quý I Năm 2025

Đơn vị tính: đồng



Dự toán															Ước thực hiện				So sánh (%)		
Khoản mục		Tổng số	BTPT	TX	3	4	5	6	7	8	9	A									
Tổng chi ngân sách xã		8.970.500.000		8.970.500.000	2.447.507.181		2.447.507.181		2.447.507.181			27									
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội		1.199.000.000		1.199.000.000	305.595.364		305.595.364		305.595.364			25									
- Chi dân quân tự vệ		631.000.000		631.000.000	121.861.364		121.861.364		121.861.364			19									
- Chi trật tự an toàn xã hội		568.000.000		568.000.000	183.734.000		183.734.000		183.734.000			32									
2. Chi giáo dục																					
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ																					
4. Chi y tế		146.020.000		146.020.000	32.994.000		32.994.000		32.994.000			23									
5. Chi văn hóa, thông tin		45.000.000		45.000.000	14.600.000		14.600.000		14.600.000			32									
6. Chi phát thanh, truyền hình																					
7. Chi thể dục, thể thao		50.000.000		50.000.000	18.827.120		18.827.120		18.827.120			38									
8. Chi bảo vệ môi trường																					
9. Chi các hoạt động kinh tế		42.100.000		42.100.000	56.733.000		56.733.000		56.733.000			135									
- Giao thông																					
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản					56.733.000		56.733.000		56.733.000												
- Thị chính																					
- Thương mại, du lịch																					
- Các hoạt động kinh tế khác		42.100.000		42.100.000																	
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể		7.158.380.000		7.158.380.000	2.008.257.697		2.008.257.697		2.008.257.697			28									
Trong đó: Quỹ lương					1.677.222.503		1.677.222.503		1.677.222.503												
10.1. Quản lý Nhà nước		3.716.492.000		3.716.492.000	978.684.958		978.684.958		978.684.958			26									
10.2. Hội đồng nhân dân		400.000.000		400.000.000	107.441.770		107.441.770		107.441.770			27									
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam		1.265.800.000		1.265.800.000	395.081.921		395.081.921		395.081.921			31									
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam		733.688.000		733.688.000	156.951.737		156.951.737		156.951.737			21									
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM		130.000.000		130.000.000	57.957.890		57.957.890		57.957.890			45									
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ		211.000.000		211.000.000	73.225.731		73.225.731		73.225.731			35									
10.7. Hội Cựu chiến binh		211.000.000		211.000.000	59.855.445		59.855.445		59.855.445			28									
10.8. Hội Nông dân		211.000.000		211.000.000	61.844.445		61.844.445		61.844.445			29									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀNG

TRƯỜNG

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	53.000.000		53.000.000	12.846.600		12.846.600	24		24
10.10. Hội Người cao tuổi	85.000.000		85.000.000	72.777.200		72.777.200	86		86
10.11. Hội khuyến học	32.300.000		32.300.000	6.318.000		6.318.000	20		20
10.12. Chi cho các hội đặc thù (Da cam, khuyến học, người mù, TNXP...)	109.100.000		109.100.000	25.272.000		25.272.000	23		23
11. Chi cho công tác xã hội	42.000.000		42.000.000	10.500.000		10.500.000	25		25
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	42.000.000		42.000.000	10.500.000		10.500.000	25		25
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác									
12. Chi nộp trả ngân sách cấp trên									
13. Dự phòng	174.000.000		174.000.000						
14. Tiết kiệm chi	114.000.000		114.000.000						
15. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHE MO**

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I/2025**

Căn cứ Quyết định số 4366/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện
Đồng Hỷ Về dự toán thu - chi ngân sách huyện Đồng Hỷ năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND xã Khe
Mo Về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã Khe Mo năm 2025;

UBND xã Khe Mo báo cáo ước thực hiện dự toán thu chi Quý I/2025 như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách Quý I/2025:

1. Thu ngân sách:

Thu ngân sách nhà nước Quý I/2025 đạt 120 triệu đồng/735 triệu đồng =
16% dự toán giao; Thu ngân sách xã đạt 55 triệu đồng/ 260 triệu đồng = 21% dự
toán huyện giao.

Để có được kết quả trên là do được sự chỉ đạo kịp thời của Chi cục thuế
cùng với sự sát sao của Thường vụ Đảng ủy, HĐND với các biện pháp cương
quyết của UBND, Hội đồng tư vấn thuế thường xuyên bám nắm địa bàn, khai thác
triệt để các nguồn thu hiện có, đảm bảo thu đúng, thu đủ không để thất thoát nguồn
thu.

2. Chi ngân sách:

Chi ngân sách xã quý 1 năm 2025 là: 2.447.507.181 đồng

Trong đó:

- Chi thường xuyên: 2.447.507.181 đồng

Trong quý 1 năm 2025 UBND xã Khe Mo thực hiện các khoản chi ngân sách
kịp thời, đảm bảo theo dự toán và các quy định trong quản lý tài chính.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán quý 1 năm 2025 của UBND
xã Khe Mo./.